THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh là công ty cổ phần được thành lập tại TP. Hồ Chí Minh , Việt Nam, hoạt lĩnh vực chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty là: 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng). Tương đương 30.000.000 cổ phần, mệnh giá 1 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: 198 Phan Xích Long, Phường 02, Quận Phú Nhuận .

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 04 năm 2008 do Uỷ ban Chứn lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 nă Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn k công ty chứng khoán

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực hành

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có th quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nl

Nguyên tắc ghi các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoả Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính t
thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác
Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho l
thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố địn
Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

-	Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
-	Phương tiện vận tải	06 năm
-	Thiết bị văn phòng	03 năm
-	Phần mềm quản lý	03 năm

Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vố
khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.
Đối với trái phiếu khi mua có phát sinh chiết khấu và phụ trội so với mệnh giá trái phiếu, Công ty áp dụng phươn
tiền chênh lệch cho số năm nắm giữ còn lại, cụ thể như sau:

- Giá mua > Mệnh giá: Phụ trội trái phiếu sẽ đuowjc phân bổ đều cho thời gian nắm giữ

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đính dá
phiếu bán ra.
Dự phòng giảm giá đối với chứng khoán đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gố
tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư đư
toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí
được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.
Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân b
động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập doanh nghiệp
- Chi phí trang thiết bị nội thất có giá trị lớn
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào
loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xu

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điề
tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi cớ
của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trư
dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến ph
thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cc
của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

3 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	12/31/2011
Tiền mặt	**46,766,072**
Tiền gửi ngân hàng	**4,553,347,140**
Tiền gửi của Công ty chứng khoán	497,269,315
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư	4,056,077,825
Các khoản tương đương tiền (gửi kỳ hạn)	175,700,000,000
Cộng	**180,300,113,212**

4 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

Chỉ tiêu		Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện	Giá trị khối lượng giao dịch
a)	**Của Công ty Chứng khoán**	**237,800**	
-	Cổ phiếu	237,800	
-	Trái phiếu		
-	Chứng chỉ quỹ	-	
-	Chứng khoán khác		
b)	**Của người đầu tư**	**19,510,540**	
-	Cổ phiếu	19,510,540	
-	Trái phiếu	-	
-	Chứng khoán khác	-	
Tổng cộng		**19,748,340**	

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Xem chi tiết tại Phụ lục 02		**12/31/2011**
a	**Chứng khoán thương mại**	
*	**Chứng khoán niêm yết**	1,084,539,197
	Chi tiết chứng khoán nắm giữ 31/12/2011	
		12/31/2011
*	**Chứng khoán chưa niêm yết**	4,160,000,000
b	**Đầu tư ngắn hạn khác**	
	- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-
	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	
	- Hợp đồng ủy thác đầu tư	
c	**Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)**	**(300,123,361)**
	Cộng	**784,415,836**

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	12/31/2011
Lãi tiền gửi dự tính	2,169,043,617
Phải thu về lãi trái phiếu đầu tư	10,686,672,222
Phải thu ứng trước tiền bán của nhà đầu tư	12,942,074,180
Phải thu Hợp tác đầu tư chứng khoán	2,184,122,861
Phải thu Hợp tác đầu tư OTC	4,354,540,000
Các khoản phải thu khác	70,045,574
Cộng	**32,406,498,454**

7 TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết tại Phụ lục 01

8 TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm giao dịch, kế toán, bản quyền PM
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu kỳ	**-**	**4,008,745,040**
2. Số tăng trong kỳ	**-**	**1,998,750,000**
- Mua sắm mới	-	1,998,750,000
- Tăng khác	-	-
3. Số giảm trong kỳ	**-**	**202,000,000**
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	202,000,000
4. Số dư cuối kỳ	**-**	**5,805,495,040**
II. Giá trị đã hao mòn luỹ kế		
1. Số dư đầu kỳ	**-**	**1,438,508,763**
2. Số tăng trong kỳ	**-**	**248,209,251**
- Trích khấu hao	-	248,209,251
- Tăng khác	-	-
3. Số giảm trong kỳ	**-**	**121,176,523**
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	121,176,523
4. Số dư cuối kỳ	**-**	**1,565,541,491**
III. Giá trị còn lại		
1. Đầu kỳ	**-**	**2,570,236,277**
2. Cuối kỳ	**-**	**4,239,953,549**

9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	12/31/2011
Đầu tư vào công ty con	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-
Đầu tư chứng khoán dài hạn	115,998,400,000
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	*115,998,400,000*
Đầu tư dài hạn khác	-
- Tiền gửi có kỳ hạn trên một năm	
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	
Cộng	**115,998,400,000**

	12/31/2011
Chi tiết chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn:	**115,998,400,000**
- Trái phiếu Ngân hàng phát triển Việt Nam(SL 250.000TP)	27,598,400,000
- Trái phiếu EVNBOND Tập đoàn điện lực (SL 80TP)	80,000,000,000
- Trái phiếu chuyển đổi của Công ty CP XD và cơ điện Việt Nam (SL 24000TP)	2,400,000,000
- Trái phiếu Công ty CP Dầu khí An pha (SL 60000TP)	6,000,000,000

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	12/31/2011
Chi phí trang thiết bị nội thất cho tại trụ sở TP HCM	
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	
Chi phí trả trước dài hạn khác	
Cộng	**-**

11 TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	12/31/2011
Tiền nộp ban đầu	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	258,559,242
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	2,569,051
Số cuối năm	**381,128,293**

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

		12/31/2011
Thuế GTGT		5,331,819
Thuế Tiêu thụ đặc biệt		
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu		
Thuế Thu nhập doanh nghiệp		1,881,969,929
Thuế TNCN		133,295,803
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất		
Các loại thuế khác		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	#	**2,020,597,551**

13 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	12/31/2011
Phải trả Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	
Phải trả vay Quỹ hỗ trợ thanh toán của các thành viên khác	
Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành	
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	3,879,631,333
Cộng #	**3,879,631,333**

14 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	12/31/2011
Tài sản thừa chờ xử lý	
Kinh phí công đoàn	142,716,515
Bảo hiểm xã hội	2,616,539
Bảo hiểm y tế	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,691,589,700
+ Phải trả khác	20,139,140
+ Phải trả cầm cố ứng trước	
+Phải trả hộ cổ tức cho Tổng công ty Bảo Minh	*915,925,560*
+ Phải trả cổ tức BMSC	*755,525,000*
Cộng #	**1,836,922,754**

15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ
Vốn chủ sở hữu			
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300,000,000,000		
Thặng dư vốn cổ phần	-		
Vốn khác của chủ sở hữu	-		
Quỹ khen thưởng , phúc lợi	375,943,805	384,018,780	41,146,000
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	29,024,356	47,305,863	4,349,200
Quỹ thưởng khách hàng	292,162,557		89,284,500
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2,789,304,350		-
Quỹ dự phòng tài chính	2,789,304,350		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
Lợi nhuận sau thuế chưa PP	20,973,512,763		
Lợi nhuận kỳ trước chưa phân	*2,792,619,174*		-
Lợi nhuận kỳ này	*18,180,893,589*	*5,798,588,220*	*384,018,780*
Tổng cộng	**327,249,252,181**	**6,182,607,000**	**425,164,780**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ
Cổ đông	-	100%
Vốn góp của đối tượng khác	300,000,000,000	
- Pháp nhân nắm giữ	*225,060,000,000*	75.02%
- Thể nhân nắm giữ	*74,940,000,000*	24.98%
Cộng	**300,000,000,000**	**100%**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300,000,000,000
- Vốn góp đầu kỳ	*300,000,000,000*
- Vốn góp tăng trong kỳ	
- Vốn góp giảm trong kỳ	-
- Vốn góp cuối kỳ	*300,000,000,000*

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	*30,000,000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- Cổ phiếu phổ thông	
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	*30,000,000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10,000

16 DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	01/10/2011 đến 31/1
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	403,236,261
Doanh thu từ cổ tức, lợi nhuận, lãi trái phiếu	4,788,213,476
Doanh thu từ chênh lệch đầu tư chứng khoán	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	90,000,000
Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng	6,345,177,021
Doanh thu phí ứng trước	365,583,750
Doanh thu từ hợp tác đầu tư chứng khoán	1,012,312,082
Thu cho thuê sử dụng tài sản	
Doanh thu khác	100,000
Cộng	**13,004,622,590**

17 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	01/10/2011 đến 31/12/2011
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	160,573,541
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	345,009,990
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	
Chi phí hoạt động tư vấn	
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	71,549,251
Chi phí dự phòng	38,372,781
Chi phí cho thuê sử dụng tài sản	
Chi phí khác	29,951,257
Chi phí trực tiếp chung	**1,116,552,360**
- Chi phí nhân viên	*776,289,447*
- Chi phí vật liệu, công cụ lao động	
- Chi phí khấu hao TSCĐ	*227,934,077*
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	
- Chi phí khác bằng tiền	*112,328,836*
Cộng	**1 762 009 180**

18 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	01/10/2011 đến 31/12/2011
Chi phí nhân viên quản lý	1,593,481,646
Chi phí vật liệu quản lý	12,196,163
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	12,725,103
Chi phí khấu hao TSCĐ	431,301,191
Thuế, phí và lệ phí	
Chi phí dự phòng	47,305,863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,234,003,697
Chi phí khác bằng tiền	199,623,651
Cộng	**3,530,637,314**

19 THU NHẬP KHÁC 711 **49,405,531**

20 CHI PHÍ KHÁC 811 **80,823,477**

21 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH 8211 1,881,969,929

	01/10/2011 đến 31/12/2011
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,680,558,149
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định	
- Các khoản điều chỉnh tăng (thù lao HĐQT)	60,000,000
- Các khoản điều chỉnh giảm:	212,678,433
- *Cổ tức nhận được*	212,678,433
Tổng lợi nhuận tính thuế	7,527,879,716
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1,881,969,929
Thuế TNDN được miễn giảm theo thông tư số 03/2009/TT-BTC	
Cộng	***1,881,969,929***

22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	01/10/2011 đến 31/12/2011
Tổng lợi nhuận sau thuế	7,680,558,149
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định	
- *Các khoản điều chỉnh tăng*	
- *Các khoản điều chỉnh giảm*	
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7,680,558,149
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	

23 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

24 SỐ LIỆU SO SÁNH

TP. HCM ngày 11 tháng 01 năm 2012

Phó phòng kế toán **Q Giám Đ ốc**

Phạm Thị Kim Thu **Lê Thanh Trí**

động kinh doanh trong

một cổ phần là 10.000

g khoán Nhà nước cấp,

ım 2006 của Bộ trưởng
ế toán áp dụng đối với

ı hành. Các báo cáo tài
và Chế độ kế toán hiện

ời gian đáo hạn không
hiều rủi ro

ản nợ phải thu khó đòi.
các khoản thu mà đơn

:heo giá trị thuần có thể

lớn hơn giá trị thuần có

h hữu hình, tài sản cố

ốn chứng khoán đối với

g pháp phân bổ dần số

anh để tính giá vốn trái

c của chứng khoán đầu

g tiền";

ợc hạch toán trên sổ kế

í trả trước ngắn hạn và

ổ dần vào kết quả hoạt

tính chất, mức độ từng
ất kinh doanh

u chỉnh do áp dụng hồi

ó thông báo chia cổ tức

ờng hợp việc cung cấp
ngày lập

việc góp vốn.

ải nộp cho (hoặc được

ơ sở tính thuế thu nhập

09/30/2011
39,279,946
11,031,230,565
1,055,883,788
9,975,346,777
173,300,000,000
184,370,510,511

h chứng khoán thực hiện
1,576,560,000
1,576,560,000
-
240,003,283,000
240,003,283,000
241,579,843,000

09/30/2011
848,906,417
09/30/2011

(195,286,784)
653,619,633

09/30/2011
1,436,888,000
11,043,747,200
1,936,632,939
10,329,277,300
2,561,300,000
12,029,440
27,319,874,879

Cộng
4,008,745,040
1,998,750,000
-
202,000,000
-
202,000,000
5,805,495,040
1,438,508,763
248,209,251
248,209,251
-
121,176,523
-
121,176,523
1,565,541,491
2,570,236,277
4,239,953,549

09/30/2011
-
-
118,323,200,000
118,323,200,000
-

118,323,200,000

09/30/2011
118,323,200,000
27,923,200,000
80,000,000,000
2,400,000,000
8,000,000,000

09/30/2011
62,727,492
7,510,839
-
70,238,331

09/30/2011
256,696,618
110,610,785
13,820,890
381,128,293

09/30/2011
42,510
2,361,604,821
109,245,622
-
2,470,892,953

09/30/2011
9,966,792,249
9,966,792,249

09/30/2011
-
122,629,838
2,484,231
2,061,426,978
13,127,220
200,406,828
1,019,775,430
828,117,500
2,186,541,047

Số cuối kỳ
300,000,000,000
-
-
718,816,585
71,981,019
202,878,057
2,789,304,350
2,789,304,350
-
26,388,082,203
2,792,619,174
23,595,463,029
332,960,366,564

Đầu kỳ
-
300,000,000,000
225,248,000,000
74,752,000,000
300,000,000,000

Kỳ này
300,000,000,000
300,000,000,000
-
300,000,000,000

Đầu kỳ
30,000,000
30,000,000
30,000,000
-
-
-
-
30,000,000
30,000,000
-
10,000

12/2011

-